

MẤY SUY NGHĨ VỀ ĐÀO TẠO CUNG ỨNG NGUỒN NHÂN LỰC CHO VÙNG KINH TẾ TRỌNG ĐIỂM PHÍA NAM

NGUYỄN HOÀNG THỤY

Cả nước có 67 khu công nghiệp (kể cả khu chế xuất và khu công nghệ cao), trong đó miền Bắc: 14 khu, miền Trung: 13 và miền Nam: 40. Đến nay chỉ mới có 12 khu công nghiệp được xem là thành công (dựa trên tiêu chí 50% diện tích được lấp đầy các dự án đầu tư) và đều nằm ở các tỉnh phía Nam (Đồng Nai: 4, Bình Dương: 4, TP.HCM: 3 và Cần Thơ: 1). Dự báo đến cuối năm nay sẽ có thêm 8 khu công nghiệp (miền Bắc: 1, miền Trung: 2 và miền Nam: 5) lọt vào danh sách “khu công nghiệp thành công” (1)

Đại hội lần thứ 8 của Đảng đã quyết định đẩy mạnh công nghiệp hóa - hiện đại hóa đất nước, phấn đấu đến năm 2020 đưa nước ta cơ bản trở thành một nước công nghiệp. Thành phố Hồ Chí Minh, Bình Dương, Đồng Nai, Bà Rịa-Vũng Tàu là vùng kinh tế trọng điểm phía Nam và là vùng kinh tế động lực, có vai trò quan trọng trong tiến trình phát triển kinh tế khu vực và cả nước.

Nghị quyết Hội nghị Trung ương 2 khóa 8 khẳng định: Khoa học công nghệ là nền tảng, là động lực của công nghiệp hóa - hiện đại hóa. Giữa giáo dục - đào tạo và khoa học công nghệ có mối liên hệ qua lại hết sức chặt chẽ. Giáo dục là nền tảng cho sự phát triển nhanh khoa học công nghệ. Giáo dục - đào tạo và khoa học công nghệ kết hợp chặt chẽ, hỗ trợ nhau, tạo nên sự tăng trưởng kinh tế nhanh và bền vững gắn liền với sự phát triển xã hội theo hướng văn minh, hiện đại.

Với những ý nghĩa đó, đẩy mạnh đào tạo cung ứng nguồn nhân lực cho vùng kinh tế trọng điểm phía Nam là việc làm cấp thiết. Trong phạm vi bài báo này, tác giả chỉ đề cập đến đào tạo bậc đại học.

1. Vài nét về số lượng, qui mô và sự phân bố các trường đại học

Vì tình trạng đất nước bị chia cắt kéo dài nên nền giáo dục đại học ở hai miền Nam, Bắc phát triển không đồng đều. Ở miền Bắc dưới sự lãnh

đạo của Đảng, nền giáo dục nói chung và giáo dục đại học nói riêng phát triển tốt hơn. Sau 25 năm thống nhất tổ quốc, mặc dù Đảng, Chính phủ, đặc biệt là Bộ GD-ĐT đã có nhiều quan tâm đến “miền Nam đi trước về sau” trong cuộc chiến tranh giải phóng đất nước, nhưng đến nay vẫn còn nhiều vấn đề phải nỗ lực hơn nữa mới đạt được mong muốn.

Các trường đại học ở miền Nam vừa ít về số lượng, vừa nhỏ về qui mô, nhưng nhiệm vụ đào tạo lại quá rộng so với các trường ở miền Bắc. Ví dụ, trong lĩnh vực kinh tế, ở TP.HCM chỉ có một trường đại học kinh tế với chỉ tiêu đào tạo chỉ trên dưới 4000 sinh viên/năm, trong khi đó ở Hà Nội có đến bốn trường đại học với chỉ tiêu tuyển sinh hàng năm trên dưới 7000. Trong lĩnh vực kỹ thuật cũng vậy, ở TP.HCM chỉ có một trường đại học kỹ thuật với chỉ tiêu trên dưới 2500, trong khi đó ở Hà Nội chỉ ít cũng có bốn trường với chỉ tiêu tuyển sinh hàng năm trên 7000 (xem bảng 1). Số lượng trường ít cộng với qui mô nhỏ (mặc dù trường đại học đa ngành, như ở TP.HCM là phù hợp với mô hình trường đại học của khu vực và thế giới ngày nay) là ràng buộc lớn làm cho Bộ GD-ĐT “lấn cấn” trong nhiều năm liền không thể phân phối chỉ tiêu đào tạo và chỉ tiêu ngân sách theo kịp với nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của khu vực kinh tế năng động, có tỉ lệ đóng góp ngân sách quốc gia cao nhất nước này. Ràng buộc đó đáng lẽ phải được tháo gỡ ngay khi đất nước bước vào thời kỳ công nghiệp hóa - hiện đại hóa. Để kéo dài tình trạng đó cho đến nay là điều đáng tiếc, thiệt hại cho sự phát triển của đất nước. Vì vậy phải nhanh chóng tìm ra giải pháp để khắc phục. (xem bảng 1)

2. Giáo dục - đào tạo phục vụ phát triển kinh tế - xã hội

Qua 12 năm đổi mới, nền đại

Bảng 1. So sánh qui mô đào tạo, ngân sách nhà nước đầu tư cho đào tạo và nhiệm vụ của một số trường ở TP.HCM và Hà Nội

Thành phố Hồ Chí Minh						Thành phố Hà Nội					
STT	Trường Đại học	Chỉ tiêu tuyển sinh				STT	Trường Đại học	Chỉ tiêu tuyển sinh			
		Năm 1999	Chỉ tiêu nhà nước cấp kinh tế PT	Tổng chỉ tiêu tuyển sinh	Chỉ tiêu nhà nước cấp kinh tế PT			Năm 1999	Chỉ tiêu được nhà nước cấp kinh phí PT	Tổng chỉ tiêu tuyển sinh	Chỉ tiêu nhà nước cấp kinh tế PT
1	Kinh tế thuộc ĐHQG TP.HCM	4.200	800	3.800	1.100	1	Kinh tế Quốc dân	3.000	350	2.800	1.075
					2	Tài chính kế toán	1.100	200	1.100	500	
					3	Thương mại	1.800	300	1.650	850	
					4	Ngoại thương	1.300	200	1.200	500	
	So sánh giữa TP.HCM và Hà Nội về lĩnh vực đào tạo kinh tế	4.200	800	3.800	1.100			7.200 gấp 1,7 lần	1.050 gấp 1,3 lần	6.750 gấp 1,8 lần	2.925 gấp 2,7 lần
2	Kỹ thuật thuộc ĐHQG TP.HCM	2.310	550	2.730	970	1	Bách khoa	3.500	1.000	3.500	2.400
					2	Xây dựng	1.740	400	1.700	970	
					3	Thủy lợi	800	450	960	520	
					4	Mỏ - Địa chất	1.200	430	1.300	900	
	So sánh giữa TP.HCM và Hà Nội về lĩnh vực đào tạo kỹ thuật	2.310	550	2.730	970			7.200 gấp 3,1 lần	2.280 gấp 4,1 lần	7.460 gấp 1,7 lần	4.790 gấp 4,9 lần

học Việt Nam đã đạt được một số kết quả quan trọng, góp phần triển khai sự nghiệp công nghiệp hóa - hiện đại hóa đất nước: Đa dạng hóa loại hình đào tạo và phương thức đào tạo; đa dạng hóa quyền sở hữu các trường đại học, cao đẳng; tăng số lượng từ 62 trường đại học và 98 trường cao đẳng năm 98-99; tăng qui mô đào tạo từ 121.191 sinh viên năm 85-86 lên 798.857 sinh viên năm 98-99 (3).

Bên cạnh những thành tựu đáng khích lệ đó vẫn còn một số hạn chế. Nếu như quá trình phát triển đó, thành tựu đó gắn chặt với nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội giữa các vùng kinh tế thì quả là tuyệt vời biết bao nhiêu.

Trong 10 năm qua, sự phát triển kinh tế - xã hội của TP.HCM, Đồng Nai, Bình Dương, Bà Rịa - Vũng Tàu đã đạt được những thành tựu rất quan trọng: tốc độ tăng trưởng cao gấp 1,5 lần so với mức bình quân chung của cả nước; toàn vùng đã tạo ra trên 60% giá trị hàng xuất khẩu, trên 60% tổng thu ngân sách cả nước, trên 50% giá trị sản xuất công nghiệp... Nhưng Nhà nước đầu tư cho giáo dục lại không thích hợp với những đóng góp về vật chất, trí tuệ và tình cảm đó của nhân dân ở vùng này cho tổ quốc (xem bảng 2).

Bảng 2 cho thấy rằng nhân dân trong vùng kinh tế trọng điểm này có nhu cầu học tập rất cao. Mong muốn của họ là học để lao động tốt hơn, có chất lượng hơn, đóng góp nhiều hơn cho tổ quốc, nâng cao cuộc sống của mình và để chung sống với cộng đồng tốt hơn. Nhu cầu đó thể hiện ở số lượng trường đại học, cao đẳng dân lập được hình thành nhiều hơn (9 trường ĐH, CĐ dân lập so với 16 trường trong cả nước), số người tự bỏ tiền riêng của mình để đi học trường ĐH, CĐ dân lập nhiều hơn so với Hà Nội. Các con số lần lượt là 1,3 lần (năm 97), 1,4 lần (năm 98) và 1,5 lần (năm 99). Trong khi đó chỉ tiêu tuyển sinh và người được trúng tuyển thì ngược lại.

Từ bảng 1 ta cũng thấy rõ hơn trong hai lĩnh vực kinh tế và kỹ thuật, đối với đào tạo trong lĩnh vực kinh tế, chỉ tiêu tuyển sinh ở Hà Nội so với TP.HCM gấp 1,7 lần (năm 99) tăng lên gấp 1,8 lần (năm 2000) còn ngân sách Nhà nước thì tăng cao hơn từ 1,3 lần (năm 99) tăng lên 2,7 lần (năm 2000). Đối với đào tạo trong lĩnh vực kỹ thuật chênh lệch còn lớn hơn nhiều. Chỉ tiêu tuyển sinh gấp 3,1 lần (năm 99) và 2,7 lần (năm 2000) còn chỉ tiêu ngân sách Nhà nước thì chênh lệch quá lớn từ 4,1 lần (năm 99) tăng lên 4,9 lần (năm 2000).

Trong sự nghiệp công nghiệp hóa - hiện đại hóa đất nước, đồng chí

Tổng Bí thư Lê Khả Phiêu chỉ đạo TP.HCM phải đi trước và về đích trước. Để thực hiện thành công nhiệm vụ trọng đại này cần phải triển khai rất nhiều khâu, trong đó đào tạo cung ứng nguồn nhân lực là khâu trọng yếu nhất. Cụ thể là Nhà nước cần thay đổi chiến lược phát triển giáo dục và đầu tư cho giáo dục theo nguyên tắc vùng nào kinh tế phát triển mạnh thì được tập trung đầu tư cho đào tạo cung ứng nguồn nhân lực ở đó.

Bảng 2. Số liệu thí sinh trúng tuyển vào đại học, cao đẳng các năm 97, 98, 99 chia theo khu vực (4)

Khu vực	Năm	1997	1998	1999
A. Đại học và cao đẳng:		146.328	147.987	149.982
(1) Cả nước:		20.340	22.551	23.736
(2) TP.HCM, Đồng Nai, Bình Dương, BR-Vũng Tàu				
(2) so với (1)		14%	15%	16%
B. Đại học:				
(1) Các trường ĐH phía Nam		47.135	44.483	44.757
Trong đó:				
a. Công lập		34.177	32.542	32.944
b. Dân lập		12.958	12.301	11.813
(2) Các trường ĐH phía Bắc		51.321	51.687	50.075
Trong đó:				
a. Công lập		41.413	42.676	42.021
b. Dân lập		9.908	9.011	8.054
So sánh 2a với 1a				
So sánh 1b với 2b				
		gấp 1,2 lần	gấp 1,3 lần	gấp 1,3 lần
		gấp 1,3 lần	gấp 1,4 lần	gấp 1,5 lần

3. Suy nghĩ về giải pháp đẩy mạnh đào tạo cung ứng nguồn nhân lực cho vùng kinh tế trọng điểm phía Nam

- Nhà nước cần có biện pháp làm cho đội ngũ cán bộ, công chức quản lý vĩ mô về lĩnh vực giáo dục - đào tạo nhận thức được rằng đầu tư cho giáo dục là đầu tư phát triển. Vì vậy vùng nào, thành phố nào, tỉnh nào phát triển được kinh tế - xã hội thì phải tập trung đầu tư để đào tạo nguồn nhân lực cho nơi đó, tránh tư tưởng dàn đều hoặc thiên vị, cục bộ.

- Tập trung đầu tư cho các trường đại học ở TP.HCM - vùng kinh tế năng động nhất cả nước - theo hướng mở rộng qui mô và nâng cao chất lượng đào tạo sao cho bảo đảm cung ứng nguồn nhân lực có chất lượng để hoàn thành sự nghiệp công nghiệp hóa - hiện đại hóa trước thời hạn so với cả nước.

- Mở rộng qui mô đào tạo của trường đại học Cần Thơ và thành lập mới một số trường đại học cộng đồng ở các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long. Trước mắt khôi phục lại chức năng và tên gọi trước đây của Trung tâm đào tạo - bồi dưỡng tại chức liên tỉnh Long An - Tiền Giang - Bến Tre là trường đại học cộng đồng Tiền Giang.

- Trao quyền tự chủ và tự chịu trách nhiệm cho các trường đại học như luật định. Bộ GD-ĐT thực hiện vai trò quản lý Nhà nước và đẩy mạnh thanh tra, kiểm tra theo các văn bản pháp luật.

- Để khắc phục tình trạng các trường đại học ở TP.HCM thiếu giảng viên trầm trọng, đề nghị Chính phủ

cho phép các trường đại học này có đội ngũ giảng viên hợp đồng dài hạn bên cạnh đội ngũ giảng viên biên chế hiện có để cùng làm nhiệm vụ mở rộng qui mô đào tạo trên cơ sở đảm bảo và nâng cao chất lượng đào tạo. Đội ngũ giảng viên hợp đồng dài hạn được hưởng mọi quyền lợi như luật pháp qui định. Chỉ có như vậy thì Bộ GD-ĐT mới khắc phục được ràng buộc về tỉ lệ sinh viên trên giảng viên như hiện nay. ■

Tài liệu tham khảo

- (1) Nguồn: Ban Quản lý các Khu Công nghiệp Việt Nam.
- (2) Nguồn: Bộ GD-ĐT
- (3) Bộ GD-ĐT - Ban soạn thảo chiến lược phát triển giáo dục - đào tạo, *Dự thảo chiến lược phát triển giáo dục - đào tạo đến năm 2010*, Hà Nội, 10.1999.
- (4) Bộ GD-ĐT, *Tài liệu Hội nghị tổng kết công tác tuyển sinh ĐH, CĐ năm 1999, triển khai công tác tuyển sinh năm 2000* Hà Nội. 2.2000

